TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2019/DSPT
Ngày 21 - 8 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lương
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ
Ông Trần Tuấn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ*:** Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DSST ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 216/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **1**. Ông **Nguyễn Văn A**; Trú tại: Ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà **Lê Thị B**; Trú tại: Ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị B cùng tạm trú tại: Khu A, ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: **Công ty Cổ phần M**; Trụ sở: Đường số 2, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ - Đại diện: Ông **Võ Văn C** - Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Dương Văn Đ**; Trú tại: Đường số 2, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 25/12/2018).

- *Người kháng cáo:* **Công ty Cổ phần M** là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Ngày 26/3/2018, vợ chồng ông ký Hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần M (viết tắt là Công ty) để góp vốn kinh doanh và phân chia lợi nhuận với thời hạn là 03 năm. Theo đó, vợ chồng ông góp 150.000.000

đồng để Công ty xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm nội thất nhựa cao cấp, quá trình kinh doanh bị lỗ nên vợ chồng ông liên hệ với Công ty để chấm dứt hợp đồng. Nay vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu Công ty trả lại vốn góp còn lại là 136.632.000 đồng, sau khi đã trừ chi phí đầu tư ban đầu theo thỏa thuận.

Người đại diện của bị đơn trình bày: Phía Công ty có ký kết hợp đồng trên với ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị B. Do cửa hàng kinh doanh do nguyên đơn phụ trách bị thua lỗ nên Công ty đã thu hàng về xong, nay đồng ý trả một phần tiền vốn góp cho nguyên đơn sau khi đã trừ chi phí đầu tư ban đầu là 43.368.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn không đồng ý với số tiền mà bị đơn đồng ý trả nói trên vì cho rằng khoản chi đầu tư cho 04 nhân viên phát triển thị trường với số tiền 30.000.000 đồng là quá cao, nên chỉ chấp nhận trừ 50% số tiền chi phí cho 04 nhân viên nói trên, buộc Công ty phải trả số vốn góp còn lại là 121.632.000 đồng và chi phí thuê nhà là 4.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DSST ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ đã tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty phải trả cho ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị B số tiền hợp tác kinh doanh là 125.632.000 đồng.

Ngày 16/3/2019 phía Công ty có đơn kháng cáo, yêu cầu phía nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí đầu tư ban đầu do phát sinh thêm cho 04 nhân viên phát triển thị trường là 30.000.000 đồng, phía Công ty chấp nhận trả chi phí thuê nhà theo yêu cầu của nguyên đơn là 4.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo chỉ chấp nhận trả cho phía nguyên đơn số tiền là 116.632.000 đồng và cho trả dần vào ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng, với số tiền trả là 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ, vì cho rằng tại Điều 5 của hợp đồng đã thỏa thuận bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng thì được trả lại vốn góp sau khi đã trừ đi toàn bộ chi phí đầu tư ban đầu nói trên. Phía các nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu trên của bị đơn và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa trình bày, những người tiến hành tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật khi giải quyết vụ án. Về kháng cáo, do hợp đồng đã thỏa thuận giữa hai bên cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm khi hợp tác kinh doanh, phía nguyên đơn được hưởng 50% lợi nhuận sau khi trừ chi phí đầu tư ban đầu, phía Công ty đã nhận hàng về kho, chi phí cho nhân viên phát triển thị trường là phục vụ cho lợi ích của Công ty, phía nguyên đơn đã chấp nhận chịu 50% chi phí này là có lợi cho bị đơn. Tại phiên tòa phía Công ty không cung cấp thêm chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật dân sự bác yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Các bên đương sự tranh chấp về việc khấu trừ vốn góp trong hợp đồng hợp tác kinh doanh, Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh là đúng quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì do kinh doanh không có hiệu quả nên các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị B thông báo cho phía đối tác là Công ty biết để chấm dứt thực hiện hợp đồng trước thời hạn, phía Công ty cũng đồng ý và đã thu hồi hết hàng hóa về Công ty. Nay phía Công ty cho rằng số tiền 30.000.000 đồng chi phí cho 04 nhân viên phát triển thị trường là chi phí ban đầu mà ông A và bà B phải chịu nên chỉ chấp nhận trả số vốn góp còn lại cho ông A, bà B theo như đã thỏa thuận tổng cộng là 110.632.000 đồng trong đó có cả tiền thuê nhà là 4.000.000 đồng.

Xét thấy, theo thỏa thuận tại Điều 4 và Điều 5 của hợp đồng đã ký kết giữa các bên thì: *" Nếu bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, sẽ được hoàn trả số tiền đã góp vốn sau khi trừ đi các chi phí đầu tư ban đầu ..."* và *"Bên B sẽ được chia 50% lợi nhuận từ cơ sở sản xuất .... sau khi trừ đi tất cả các chi phí gồm: Tiền lương nhân viên, tiền thuê mặt bằng, ..."*. Như vậy, phía ông A, và bà B là bên B trong hợp đồng đã đơn phương chấm dứt hợp đồng trước hạn nên phải được phía Công ty hoàn trả số vốn góp ban đầu sau khi đã trừ đi các chi phí đầu tư bao gồm cả chi phí cho 04 nhân viên phát triển thị trường đang tranh chấp trong vụ án này. Nội dung của hợp đồng đã thỏa thuận không ghi nhận việc khấu trừ các khoản chi phí đầu tư ban đầu là bao nhiêu, nhưng theo nội dung các điều khoản của hợp đồng đã viện dẫn trên, thì trên nguyên tắc bên B được hưởng 50% lợi nhuận nên bên B cũng phải chịu khấu trừ 50% các chi phí đầu tư ban đầu. Do đó, bản án sơ thẩm đã giải quyết buộc mỗi bên đương sự phải chịu 50% chi phí cho 04 nhân viên phát triển thị trường là có cơ sở theo như thỏa thuận tại hợp đồng. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty Cổ phần M (đại diện là ông Võ Văn C) phải trả cho ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị B số tiền hợp tác kinh doanh là 125.632.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa trả số tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần M phải chịu là 6.282.000 đồng (Sáu triệu hai trăm tám mươi hai ngàn đồng). Ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.416.000 đồng (Ba triệu bốn trăm mười sáu ngàn đồng) theo biên lai số 000559 ngày 13/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần M phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 000990 ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ. Công ty Cổ phần M đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Lương

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- Tòa án Q. N;
- THA.DS-Q.N;
- Lưu hồ sơ vụ án.